

Họ và tên :

Lớp : 5

PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN LỚP 5 - Tuần 3

Bài 1 . Điền dấu (>, <, =) vào chỗ chấm:

a, $3 \frac{5}{9}$ $2 \frac{7}{9}$

b, $8 \frac{4}{10}$ $8 \frac{2}{5}$

c, $1 \frac{2}{3}$ $1 \frac{3}{5}$

d, $4 \frac{1}{8}$ 5

Bài 2. Tính

a, $1 \frac{1}{3} + 2 \frac{1}{2}$

b, $4 \frac{2}{5} - 1 \frac{1}{10}$

=

=

=

=

=

=

c, $3 \frac{1}{2} \times 1 \frac{1}{7}$

d, $4 \frac{1}{6} : 2 \frac{1}{3}$

=

=

=

=

=

=

Bài 3. Tìm X : a) $X : \frac{3}{4} = 1 - \frac{2}{5}$

.....=

.....=

.....=

$$b) \frac{1}{5} \times X = \frac{2}{3} - \frac{4}{6}$$

.....=

.....=

.....=

Bài 4- Viết các **hỗn số** thích hợp:

5 m 25 cm = m 6 m 5 m m = m 2 kg 7 g = kg

9 dm 8 cm = dm 4cm 9 m m = cm 31 kg 57 g = kg

Bài 5. Một hình chữ nhật có chiều dài là $2\frac{3}{4}$ m, chiều rộng là $1\frac{3}{4}$ m. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó?

Bài 6. Bác An lái xe ô tô, 3 giờ đầu, mỗi giờ chạy được 62 km, 4 giờ sau, mỗi giờ chạy được 55 km. Hỏi trung bình mỗi giờ bác An lái xe chạy được bao nhiêu ki-lô- mét?

Bài 7. Tính thuận tiện

$$\frac{1}{2} + \frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{20} + \frac{1}{30}$$
